

Số: /2024/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành một số quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về
công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho
công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này một số quy định quản lý
nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/10/2024 và thay
thế các Quyết định: Số 29/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu;
số 10/2023/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa
đổi, bổ sung một số điều của quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh

Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- T.Trực Tỉnh uỷ;
- T.Trực HĐND Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo; CV các khối;
- Trung tâm TH & Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH;
- Báo Lai Châu;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Lương

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày /10/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Các quy định quản lý nhà nước về giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn Luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; Cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá được quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật Giá năm 2023.

2. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa dịch vụ (viết tắt là Sở quản lý ngành, lĩnh vực) đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trên cơ sở tiêu chí hàng hóa dịch vụ bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Giá và khoản 1, Điều 4, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ tham mưu trình UBND tỉnh đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa dịch vụ.

Điều 4. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan trong việc thực hiện bình ổn giá.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định; quyết định các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá như sau:

a) Điều hòa cung, cầu một số hàng hóa, dịch vụ;

b) Các biện pháp về tài chính phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá phù hợp với tính chất của từng loại hàng hóa, dịch vụ; việc định giá hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo nguyên tắc, căn cứ, phương pháp quy định tại Mục 2 Chương IV của Luật Giá;

d) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Trường hợp mặt giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá biến động bất thường gây tác động lớn đến kinh tế xã hội, sản xuất, kinh doanh, đời sống người dân khoản 1 điều 20 Luật Giá và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, Sở quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu UBND tỉnh thực hiện bình ổn giá theo hướng dẫn của Bộ chuyên ngành, cơ quan ngang bộ quản lý ngành trên cơ sở chung ương bình ổn giá của Chính phủ.

3. Trường hợp khi có cơ quan có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh và mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 20 Luật Giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn giá kèm theo văn bản đề nghị bình ổn giá (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP) gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp và phân công tổ chức thực hiện.

Trường hợp cần thiết, Sở Tài chính yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo các thông tin phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của UBND tỉnh, UBND tỉnh báo cáo Chính phủ và kết quả bình ổn giá, đồng thời gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

Căn cứ tình hình thực hiện, đánh giá diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong thực tế, Sở quản lý ngành, lĩnh vực có thể đề xuất kết thúc bình ổn giá trước thời

hạn hoặc gia hạn thời gian áp dụng bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu trình UBND tỉnh quyết định.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm chấp hành biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 3, Điều 6 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

Mục 2 **ĐỊNH GIÁ**

Điều 5. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Luật Giá.

Khi cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh danh mục hàng hóa dịch vụ do nhà nước định giá theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ tham mưu UBND tỉnh đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

2. Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh: Tổ chức sản xuất, kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng lập phương án giá.

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá: Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Khi các yếu tố hình thành giá hoặc giá thị trường trong nước hoặc giá thị trường thế giới có biến động và ảnh hưởng đến mức giá hàng hóa, dịch vụ thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm lập phương án giá theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và gửi cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá tại khoản 3 Điều này.

d) Tổ chức, cá nhân lập phương án giá có trách nhiệm giải trình về phương án giá trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu giải trình, báo cáo rõ về một số nội dung tại phương án giá và các tài liệu, hồ sơ kèm theo.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá

a) Sở Giao thông vận tải:

- Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý.
- Khung giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý.
- Giá tối đa dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý.
- Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý.
- Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.
- Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

b) Sở Xây dựng:

- Khung giá, giá cụ thể nước sạch đô thị.
- Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước).
- Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước.
- Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.
- Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.
- Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

- Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương.

- Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Khung giá, giá cụ thể nước sạch nông thôn.

đ) Sở Y tế:

- Giá tối đa, giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

- Giá tối đa, giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

e) Sở Công Thương: Giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn Nhà nước.

f) Sở Tư pháp: Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

h) Sở quản lý ngành, lĩnh vực:

- Tổ chức thẩm định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách Nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ.

- Tổ chức thẩm định khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ.

4. Trình và ban hành văn bản định giá

a) Đối với các trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Sau khi hoàn thành thẩm định phương án giá, cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá tại khoản 3 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Đối với trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá tại khoản 3 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá, gửi 01 bản chính hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP cho cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu. Sau khi có văn bản định

giá tối đa hoặc khung giá hoặc giá tối thiểu, cơ quan được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tổ chức rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá cụ thể.

5. Việc định giá của Nhà nước đối với một số hàng hóa, dịch vụ có quy tại khoản 4, Điều 3 Luật Giá năm 2023 được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 3

HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 6. Hiệp thương giá

1. Thẩm quyền và trách nhiệm hiệp thương giá được quy định như sau: Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý mà bên mua và bên bán không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Luật Giá năm 2023.

a) Trường hợp bên mua, bên bán có trụ sở chính đóng tại địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nhau, bên mua và bên bán có trách nhiệm thống nhất đề nghị 01 trong 02 địa phương tổ chức hiệp thương giá.

b) Trường hợp bên mua, bên bán không thống nhất được địa phương tổ chức hiệp thương giá thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực nơi bên bán đăng ký kinh doanh tổ chức hiệp thương giá; trường hợp bên bán là chi nhánh của doanh nghiệp thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực nơi chi nhánh được đăng ký hoạt động tổ chức hiệp thương giá.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức hiệp thương giá thực hiện theo quy định tại Điều 27, Luật Giá năm 2023 và Điều 13, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá năm 2023.

Mục 4

KÊ KHAI GIÁ

Điều 7. Kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện kê khai giá

a) Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

b) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày

10/7/2024 của Chính phủ có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Tài chính điều chỉnh bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định.

2. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá: Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá.

3. Đối tượng thực hiện kê khai giá: Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu và nằm trong Danh sách kê khai giá theo thông báo của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

4. Thông báo danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, sở quản lý ngành, lĩnh vực, Cục Thuế tỉnh rà soát tổng thể trên cơ sở đề xuất về Danh sách kê khai giá của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan, đơn vị được giao tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ được phân công tiếp nhận và theo yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, công tác quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực, rà soát lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách kê khai giá đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá.

5. Định kỳ vào ngày 10 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở quản lý ngành có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách kê khai giá.

Mục 5

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG, CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 8. Tổng hợp, phân tích dự báo giá thị trường

1. Phân công cơ quan chủ trì tổng hợp, phân tích dự báo giá thị trường như sau:

a) Sở Tài chính: Thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Cục Thống kê tỉnh: Tổng hợp, phân tích, dự báo Báo cáo diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm của tỉnh; phân tích diễn biến CPI của tỉnh trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có); dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và đánh giá tác động dự kiến lên CPI (nếu có);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng Thóc tẻ, Gạo tẻ, Đường ăn thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC

d) Sở Xây dựng: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)) tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC

e) Sở Công Thương: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

f) Sở Y tế: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

j) Sở Giao thông vận tải: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính.

g) Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính.

h) UBND cấp huyện: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn cấp huyện quản lý đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính.

2. Việc tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính.

3. Nội dung báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo giá thị trường địa phương

a) Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Giá và Điều 8 của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ được giao tại Khoản 1 Điều này;

b) Tần suất thực hiện báo cáo: Các cơ quan, đơn vị định kỳ xây dựng báo cáo hằng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm (sau đây gọi là báo cáo tháng, quý, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm);

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Báo cáo tháng: Tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng kỳ báo cáo;

- Báo cáo quý: Tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý kỳ báo cáo;

- Báo cáo 6 tháng: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 6 trong năm kỳ báo cáo;

- Báo cáo 9 tháng: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 9 trong năm kỳ báo cáo;

- Báo cáo năm: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 12 trong năm kỳ báo cáo;

d) Thời hạn gửi báo cáo:

- Yêu cầu Cục Thống kê tỉnh; Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện thành phố và các đơn vị có liên quan gửi báo cáo về Sở Tài chính:

+ Báo cáo tháng: trước 16 giờ ngày 01 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng;

+ Báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm: trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng

và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm;

- Sở Tài chính tổng hợp gửi báo cáo về Bộ Tài chính trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 05 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

4. Phương thức gửi báo cáo

a) Cục Thống kê tỉnh; Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện thành phố và các đơn vị có liên quan gửi báo cáo về Sở Tài chính định dạng thống nhất theo đường văn bản hành chính điện tử (hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu); trường hợp chưa có hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử thì thực hiện gửi văn bản giấy qua dịch vụ bưu chính;

b) Đồng thời các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện thành phố cập nhật báo cáo vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu giá tại địa phương;

c) Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính.

Điều 9. Cơ sở dữ liệu về giá

1. Nội dung cơ sở dữ liệu về giá thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng, tổ chức việc quản trị, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp xây dựng dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành địa phương quản lý.

Mục 6

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ; KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 10. Thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) đối với: Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá, Danh mục thực hiện kê khai giá chậm nhất vào ngày 31/10/2024; Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá mà chưa có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa dịch vụ đó (*ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan*).

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Phụ lục**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ, CƠ QUAN THAM MƯU UBND TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH ĐẶC KIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VÀ CƠ QUAN TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ***(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)*

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm		Sở Công thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		Sở Công thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng		Sở được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng		Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
2	Nhà ở, nhà chung cư		Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)		Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng		Sở Công thương
5	Than		Sở Công thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính		Sở Công thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		Sở Công thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá		Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm		Sở Giao thông vận tải
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Giao thông vận tải
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
15	Thiết bị y tế		Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương (áp dụng linh hoạt nếu cần thiết): Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ yêu cầu, mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn tiếp nhận kê khai giá trong số danh mục những hàng hóa dịch vụ sau:	Sở quản lý ngành, lĩnh vực	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	Sở Văn hóa thể thao và du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	Sở Văn hóa thể thao và du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	Sở Văn hóa thể thao và du lịch
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công thương	Sở Công thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và môi trường